

Thứ ba, ngày 26 tháng 9 năm 2023

Vietnam Daily Review

Áp lực bán vẫn hiện hữu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/9/2023	•		
Tuần 25/09-29/09/2023		•	
Tháng 09/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một ngày giằng co, thị trường giảm hơn 15 điểm, kết phiên tại mốc 1,137.96 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hóa chất tiếp tục dẫn đầu đà giảm trong ngày hôm nay, theo sau là ngành Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường gặp lực cản tại vùng 1,165 và thậm chí đã giảm xuống dưới ngưỡng hỗ trợ 1,145. Diễn biến ngày mai của VN-Index phụ thuộc vào lực cầu bắt đáy quanh ngưỡng 1,135. Trong trường hợp lực mua tại đây yếu, chỉ số có thể tiếp tục quán tính giảm điểm và lùi xuống ngưỡng hỗ trợ 1,120.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/9/2023, các chứng quyền biến động theo đà suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-15.24** điểm, đóng cửa **1137.96** điểm. HNX-Index **-1.75** điểm, đóng cửa **229.75** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.02)**, **CTG (+0.62)**, **HPG (+0.3)**, **SSI (+0.21)**, **MBB (+0.2)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.19)**, **VHM (-2.12)**, **VIC (-1.41)**, **GVR (-1.33)**, **BID (-0.95)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,894** tỷ đồng, tăng **0.95%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **21,617** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **26.78** điểm. Thị trường có **180** mã tăng, **62** mã tham chiếu, **317** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **651.45** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (157.23 tỷ)**, **SSI (133.97 tỷ)**, **DGC (76.46 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **27.41** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 -1.00%**. Các mã diễn biến tích cực: **MSN (+3.84%)**, **PVS (+1.40%)**, **GMD (+1.00%)**
- BSC50 -1.95%**. Các mã diễn biến tích cực: **DIG (+2.73%)**, **BAF (+2.23%)**, **PTB (+2.08%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Du lịch và Giải trí	-0.78%	Bất động sản	-4.38%
Điện, nước & xăng dầu khí	-1.73%	Dầu khí	-4.54%
Y tế	-1.80%	Tài nguyên Cơ bản	-4.86%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.44%	Xây dựng và Vật liệu	-5.14%
Công nghệ Thông tin	-2.51%	Truyền thông	-6.06%
Ngân hàng	-2.58%	Dịch vụ tài chính	-6.10%
Bán lẻ	-2.66%	Hóa chất	-6.21%
Thực phẩm và đồ uống	-3.14%	VN30	-3.15%
Ô tô và phụ tùng	-3.18%	VNSML	-4.69%
Bảo hiểm	-3.23%	VNMID	-5.59%
Hàng & Dịch vụ Công	-3.48%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1137.96**
Giá trị: 19894.2 tỷ **-15.24 (-1.23%)**
Khối ngoại (ròng): 651.45 tỷ

HNX-INDEX **229.75**
Giá trị: 2120.9 tỷ **-1.75 (-0.76%)**
Khối ngoại (ròng): 27.41 tỷ

UPCOM-INDEX **88.43**
Giá trị: 820.98 tỷ **-0.27 (-0.3%)**
Khối ngoại (ròng): 15.66 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	93.5	0.27%
Giá vàng	1,916	-0.49%
Tỷ giá USD/VND	24,435	0.16%
Tỷ giá EUR/VND	25,861	0.09%
Tỷ giá JPY/VND	165	-0.06%
LS liên NH 1 tháng	1.7%	0.62%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.03%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	157.23	FUESSVFL	-118.14
SSI	133.97	GVR	-48.90
DGC	76.46	MWG	-38.03
VCB	29.81	VND	-32.72
VIC	25.09	STB	-30.60

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Danh mục BSC30	Trang 2
Danh mục BSC50	Trang 3
Báo cáo mới nhất	Trang 4
Khuyến cáo sử dụng	Trang 5

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/09

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	89.74	-0.33%	-0.93%	12.64%	17.80%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	93.52	0.27%	-0.97%	11.50%	14.97%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.54	-0.88%	-5.88%	-1.08%	14.92%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.63	-0.28%	-3.61%	-1.33%	-63.66%		
TTF Gas	EUR/MWh	44.44	11.69%	28.91%	15.69%	-74.43%		
Vàng	Ounce	1,915.62	-0.49%	-0.91%	-0.21%	18.13%		PNJ
Bạc	Ounce	23.13	-1.72%	-0.45%	-4.65%	26.13%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,299.25	0.23%	-1.33%	-7.58%	-7.94%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	18.42	0.05%	0.27%	7.09%	-7.30%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	138.90	-1.63%	-1.77%	4.51%	5.15%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	26.31	-2.45%	-2.95%	2.89%	43.38%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	427.50	0.00%	-0.58%	16.33%	-50.55%		DPM, DCM
Niken	LB	19,173.00	1.61%	-2.54%	-7.48%	-17.70%		PC1
Đồng	LB	3.64	-0.59%	-2.61%	-2.99%	10.25%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	3,090.00	0.00%	0.00%	13.19%	15.73%		CSV
Thép	CNY/ton	3,709.00	-0.70%	-2.80%	0.43%	-5.65%		HPG
Nhôm	Ton	2,237.00	-0.16%	0.77%	3.16%	4.56%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent kết thúc phiên nhích 0.27% lên 93.52 USD/thùng, gàu thô trung cấp West Texas của Mỹ hạ nhẹ 0.35% xuống 89.74 USD.
- Giá dầu gần như ổn định vào lúc đóng cửa phiên giao dịch thứ Hai (25/9) do Nga nói lỏng lệnh cấm xuất khẩu nhiên liệu và lo ngại lãi suất tăng cao có thể làm hạn chế nhu cầu.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.5% xuống 1,915.61 USD/ounce; vàng kỳ hạn tháng 12 giảm 0.5% ở xuống 1,936.6 USD.
- Giá vàng giảm khi đồng đô la và lãi suất trái phiếu kho bạc Mỹ ổn định nhờ lập trường của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) là tiếp tục giữ lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc đã kết thúc giao dịch trong ngày giảm 2.03% so với phiên giao dịch liền trước, xuống 844.5 nhân dân tệ (115.55 USD)/tấn, mức yếu nhất kể từ ngày 11 tháng 9. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 10 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 4.23% xuống 116.05 USD/tấn, cũng là mức thấp nhất kể từ ngày 11 tháng 9.
- Giá quặng sắt giảm do các thương nhân lo lắng về mức tiêu thụ thép yếu hơn dự kiến trong mùa xây dựng cao điểm và khả năng hạn chế sản lượng thép trong mùa đông tại nước tiêu thụ hàng đầu thế giới - Trung Quốc.

Giá hàng hóa khác

- Giá đường giảm khỏi mức cao nhất trong nhiều năm gần đây trong bối cảnh đồng đô la mạnh hơn, mặc dù các đại lý dự đoán vấn đề nguồn cung sẽ giữ nguyên xu hướng tăng.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10 kết thúc phiên giảm 0.66 cent, tương đương 2.4%, xuống 26.31 cent/lb, sau khi thiết lập mức cao nhất trong 12 năm vào tuần trước.
- Đường trắng kỳ hạn tháng 12 giảm 12.70 USD, tương đương 1.7%, xuống 718.10 USD/tấn. Hợp đồng này đã mất 2.3% vào tuần trước,

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	87.0	-2.6%	0.9	19,961	5.9	5,532	15.7	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	44.4	-1.7%	0.8	9,210	2.0	3,972	11.2	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	20.4	0.2%	1.1	5,636	15.9	1,793	11.4	23,685	16.5%	Link
TCB	Ngân hàng	32.4	-1.2%	1.6	4,678	6.3	5,442	6.0	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	0.8%	1.5	3,906	8.3	3,445	5.3	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.4	-0.9%	1.2	2,426	22.0	3,006	10.4	31,200	22.7%	Link
GVR	BDS KCN	19.0	-6.9%	1.9	3,112	5.6	677	28.0	19,100	0.4%	Link
KBC	BDS KCN	31.6	-0.2%	1.6	997	12.3	4,326	7.3	42,500	20.7%	Link
IDC	BDS KCN	46.1	-0.9%	1.6	624	6.1	3,578	12.9	45,900	12.1%	Link
VGC	BDS KCN	45.2	-3.6%	1.8	832	2.0	2,580	17.5	-	5.3%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.2	0.8%	2.1	6,254	33.2	(326)	-80.4	23,300	25.1%	Link
VHM	Bất động sản	45.0	-4.3%	1.1	8,044	7.5	10,326	4.4	79,900	24.2%	Link
VRE	BDS	25.8	-3.0%	1.0	2,407	5.2	1,588	16.2	38,900	32.5%	Link
KDH	BDS	31.5	0.0%	1.8	927	1.7	1,268	24.9	44,100	38.9%	Link
NLG	BDS	32.9	-2.4%	1.7	519	3.0	1,294	25.4	46,100	41.5%	Link
DGC	Hóa chất	90.5	-0.8%	1.8	1,411	20.2	10,627	8.5	85,000	15.0%	Link
DPM	Phân bón	36.0	0.1%	1.0	578	4.5	6,392	5.6	41,000	12.3%	Link
DCM	Phân bón	31.5	0.0%	1.3	685	5.3	4,283	7.4	36,000	10.8%	Link
GAS	Dầu khí	88.8	-0.8%	0.6	8,372	1.6	5,549	16.0	110,500	2.4%	Link
PLX	Dầu khí	37.1	-1.1%	0.9	1,935	1.6	2,063	18.0	45,000	17.1%	Link
PVS	Dầu khí	36.1	1.4%	1.1	708	8.5	1,930	18.7	38,500	20.4%	Link
PVD	Dầu khí	24.0	0.0%	1.1	548	3.4	460	52.2	29,000	21.5%	Link
POW	Tiện ích	11.6	-1.3%	0.9	1,120	3.6	579	20.1	14,500	5.5%	Link
VNM	F&B	76.1	-1.9%	0.4	6,529	7.9	3,920	19.4	81,700	55.2%	Link
MSN	F&B	73.0	3.8%	1.3	4,288	6.8	690	105.9	27,700	29.8%	Link
MWG	Bán lẻ	51.5	1.0%	1.8	3,092	17.5	1,069	48.2	63,800	48.3%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.5	-1.6%	0.7	1,057	1.8	5,503	14.3	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	75.4	-3.3%	0.9	568	5.4	6,986	10.8	90,900	31.0%	Link
GMD	Logistics	60.7	1.0%	0.5	762	3.1	7,252	8.4	57,000	47.6%	Link
FPT	Công nghệ	93.5	-0.8%	0.6	4,874	8.3	4,301	21.7	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	30.3	1.70%	1.1	5,978	6.5	3,548	8.5	1.3	27.4%	16.3%
ACB	Ngân hàng	21.9	-0.5%	1.1	3,492	8.5	3,742	5.9	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	17.4	0.0%	0.8	2,066	6.7	2,738	6.4	1.3	20.0%	23.9%
LPB	Ngân hàng	13.2	-2.9%	1.3	1,386	1.6	1,694	7.8	1.4	2.4%	19.9%
VIB	Ngân hàng	19.2	1.0%	1.2	2,005	4.0	3,469	5.5	1.5	20.5%	30.0%
VND	Chứng khoán	20.6	-1.7%	1.9	1,032	34.6	489	42.3	1.7	23.2%	4.8%
TPB	Ngân hàng	17.7	-1.7%	1.0	1,600	5.2	2,895	6.1	1.2	29.8%	20.9%
SSI	chứng khoán	30.9	1.8%	1.6	1,902	49.1	999	30.9	2.0	44.1%	7.9%
CII	Xây dựng	18.6	-5.3%	1.7	217	8.4	153	121.9	7.5	7.9%	3.0%
C4G	Xây dựng	12.8	-1.5%	2.0	0	1.6	474	27.0	1.8	0.0%	6.9%
CTD	Xây dựng	63.4	-0.5%	2.0	194	2.0	182	347.5	0.6	44.1%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.1	-2.6%	1.7	204	6.8	875	17.3	0.9	5.7%	3.9%
LCG	Xây dựng	12.1	-6.9%	2.1	94	4.8	478	25.3	0.9	2.3%	6.0%
BCM	KCN	65.9	-3.1%	0.7	2,800	0.6	521	126.4	3.9	2.4%	7.6%
HUT	KCN	21.1	1.9%	1.5	773	5.9	56	373.6	5.2	0.8%	1.3%
PHR	KCN	46.7	-1.7%	1.3	260	1.1	6,526	7.2	1.8	16.3%	24.4%
SZC	KCN	34.0	-5.4%	1.8	168	3.2	1,405	24.2	2.5	3.0%	9.0%
HSG	Vật liệu	19.0	-5.2%	2.3	480	15.8	(2,114)	-9.0	1.2	20.9%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.5	1.5%	1.6	212	0.5	176	76.7	1.1	2.8%	3.0%
NKG	Vật liệu	18.8	-2.8%	2.5	204	7.3	(2,655)	-7.1	1.0	10.4%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.9	2.1%	1.0	162	1.9	5,299	11.1	1.5	19.3%	15.6%
KSB	Vật liệu	26.8	-6.8%	1.7	84	3.1	1,482	18.1	1.0	2.0%	6.5%
NVL	BDS	15.2	-6.5%	1.5	1,213	21.0	(270)	-56.1	0.7	3.5%	1.9%
DXG	BDS	18.0	-6.5%	2.7	452	18.5	(318)	-56.7	0.8	20.2%	3.4%
HDC	BDS	29.7	-4.8%	1.0	165	3.7	2,189	13.6	2.2	1.9%	20.6%
DIG	BDS	24.5	2.7%	2.4	613	25.5	154	159.0	1.9	5.3%	2.1%
IJC	BDS	14.4	-1.0%	2.1	149	1.6	1,597	9.0	1.0	5.5%	12.1%
BSR	Dầu khí	20.6	1.0%	1.4	0	8.0	1,600	12.9	1.2	0.0%	29.6%
PVT	Dầu khí	25.8	-2.3%	0.7	342	5.4	2,742	9.4	1.0	12.7%	15.1%
PLC	Vật liệu	32.8	0.3%	1.6	109	0.3	1,353	24.2	2.1	1.2%	9.4%
DRC	Săm lốp	23.0	1.8%	1.2	112	0.3	1,981	11.6	1.6	12.2%	14.4%
REE	Tiện ích	61.9	0.2%	0.7	1,038	2.0	6,116	10.1	1.3	49.0%	19.7%
GEX	Tiện ích	19.2	-6.8%	1.9	671	23.0	(4)	-4980.9	0.8	11.5%	4.2%
NT2	Tiện ích	24.5	-2.8%	0.6	290	1.0	2,560	9.6	1.5	15.3%	21.4%
HDG	Bất động sản	27.2	-0.5%	1.8	341	2.3	2,605	10.4	1.3	22.4%	22.8%
PC1	Tiện ích	28.6	0.0%	1.6	318	4.3	974	29.3	1.4	5.5%	6.2%
GEG	Tiện ích	14.0	0.0%	1.0	196	0.5	640	21.9	0.8	37.9%	6.2%
BCG	Tiện ích	9.8	-6.2%	2.5	215	6.2	(165)	-59.4	0.4	1.8%	0.3%
SAB	F&B	75.3	-0.9%	0.1	3,965	1.3	3,478	21.7	3.9	31.0%	21.8%
QNS	F&B	48.8	0.6%	0.5	0	2.3	4,965	9.8	2.3	16.0%	19.5%
FRT	Bán lẻ	83.9	-3.0%	1.5	469	2.2	(356)	-235.9	7.2	35.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	54.0	0.0%	2.2	370	5.5	2,959	18.3	4.1	22.0%	24.7%
DBC	F&B	21.1	-4.7%	2.1	210	4.0	551	38.3	1.1	5.6%	3.2%
PET	Bán lẻ	26.0	1.0%	2.4	114	0.7	834	31.2	1.5	0.0%	6.3%
BAF	F&B	20.6	2.2%	1.1	121	2.3	1,222	16.9	1.7	0.1%	12.1%
ANV	Thủy sản	35.6	-6.9%	1.7	195	7.5	2,162	16.5	1.8	4.0%	20.8%
VSC	Logistics	26.9	-3.6%	0.3	147	1.3	1,262	21.3	1.1	2.7%	10.7%
HAH	Logistics	36.0	0.0%	1.2	156	5.6	5,908	6.1	1.2	23.7%	35.9%
CTR	Công nghệ	74.9	0.5%	1.5	352	1.6	4,238	17.7	5.2	9.9%	29.4%
TNG	Đệt may	18.5	-7.0%	1.6	86	3.6	2,616	7.1	1.3	18.8%	19.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

